

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI AN GIA VŨ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI AN GIA VŨ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN GIA VU TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108371659

**3. Ngày thành lập:** 20/07/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 5, PV OIL Tower, 148 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; | 4722     |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý.<br>(trừ hoạt động của các nhà đấu giá bán buôn)                                                                          | 4610     |
| 3.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                     | 4723     |
| 4.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592     |
| 5.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;                 | 4772     |
| 6.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933     |
| 7.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);        | 5610     |
| 8.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                     | 4511     |
| 9.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;                                   | 4632     |
| 10. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8219        |
| 12. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7710        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8299        |
| 14. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4512        |
| 15. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4649        |
| 16. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652        |
| 17. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2511        |
| 18. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2512        |
| 19. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2591        |
| 20. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hoá chất công nghiệp: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh (Trừ hoá chất Nhà nước cấm);<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (Không bao gồm kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường); | 4669        |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4752        |
| 22. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5224        |
| 23. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1811        |
| 24. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2593        |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi);                                                                               | 4659(Chính) |
| 26. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4719        |
| 27. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1812        |
| 28. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2410        |

|     |                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý                                                                                                                         | 2420 |
| 30. | Đúc kim loại màu                                                                                                                                              | 2432 |
| 31. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Vận tải khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng bằng ô tô; | 4931 |
| 32. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                     | 4210 |
| 33. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                    | 4290 |
| 34. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                           | 4651 |
| 35. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                              | 4633 |
| 36. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                           | 4662 |
| 37. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                       | 4663 |
| 38. | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                                                                                                      | 2513 |
| 39. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                   | 2599 |
| 40. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                         | 4100 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ XUÂN KIÊN | TT Intimex TDP Hoàng 18, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 250.000    | 2.500.000.000         | 25,000    | 0250880001<br>67                                                                            |         |
|     |              |                                                                                         | Tổng số           | 250.000    | 2.500.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM THỊ MAI | Xóm 5, thôn Đoan Bình, Xã Gia Phú, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam             | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    | 164497009                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                         | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |              |                                                                                             |                   |         |               |        |              |  |
|---|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|--------------|--|
| 3 | VŨ TIẾN DŨNG | Số 172 đường Hoàng Công Chất, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 650.000 | 6.500.000.000 | 65,000 | 036074002524 |  |
|   |              |                                                                                             | Tổng số           | 650.000 | 6.500.000.000 | 65,000 |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ TIẾN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/06/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036074002524

Ngày cấp: 26/09/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 172 đường Hoàng Công Chất, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 172 đường Hoàng Công Chất, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội